

Số: 102/QĐ-BQL

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi E-HSMT và gia hạn thời điểm đóng thầu gói thầu số 50: Thi công xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện

### TỔNG GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VÀ NÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ các Quyết định: số 709/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 và số 4416/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

Căn cứ Quyết định số 1087/QĐ-BQL ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung xây dựng công trình xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện (từ nút giao QL10 đến nút giao đường Vành đai 2) thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-BQL ngày 08/01/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng về việc thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu số 50: Thi công xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-BQL ngày 08/01/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 50: Thi công xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện;

*Xét Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 17/01/2026 của Tổ chuyên gia; Theo đề nghị của phòng Thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 92/BCTĐ-TĐ ngày 17/01/2026,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt sửa đổi một số nội dung của E-HSMT gói thầu số 50: Thi công xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện như sau:

- Đính chính nội dung mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.
- Đính chính lại khối lượng mời thầu tại **Mẫu số 01C (Webform trên Hệ thống). Bảng khối lượng công việc mời thầu** (Chi tiết nội dung điều chỉnh theo phụ lục đính kèm).
- Bổ sung Phụ lục khối lượng của Quyển I.1: Tuyến và công trình trên tuyến.
- Đính chính nội dung tại điểm 2, 3 mục II thuộc Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật như sau:

*"2. Xây dựng công trình mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường vành đai 2 và các hạng mục công trình trên tuyến: Tiến độ hoàn thành cơ bản công tác xây dựng dự kiến là 18 tháng kể từ ngày khởi công công trình.*

*3. Hoàn thành toàn bộ các công việc theo quy định của hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày khởi công công trình, bao gồm công tác nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng, hoàn công và quyết toán công trình".*

- Gia hạn thời điểm đóng thầu đến 09 giờ 00 phút ngày 29/01/2026.
- Các nội dung khác trong E-HSMT gói thầu số 50 nêu trên được giữ nguyên theo E-HSMT đã được Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-BQL ngày 08/01/2026.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Giao Ban điều hành Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện (Ban điều hành dự án) chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.
- Giao phòng Thẩm định hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban điều hành dự án thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Trưởng các phòng: Kỹ thuật, Thẩm định; Giám đốc Ban điều hành dự án và các đơn vị có liên quan và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- TGD;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đào Sỹ Ngọc**

**PHỤ LỤC NỘI DUNG SỬA ĐỔI E-HSMT**  
**Gói thầu số 50: Thi công xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ,**  
**đường Bùi Viện thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến**  
**Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện**  
*(Kèm theo Quyết định số 102/QĐ-BQL ngày 17/01/2025 của Ban Quản lý dự án*  
*đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng)*

**Mẫu số 01C (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC MỜI THẦU**

**(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)**

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
<b>I</b>	<b>CÁC HẠNG MỤC</b>				
<b>1</b>	<b>HẠNG MỤC I: HẠNG MỤC CHUNG VÀ PHỤ TRỢ THI CÔNG</b>	<b>Chỉ dẫn kỹ thuật; Các yêu cầu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng; và các yêu cầu khác được mô tả trong hồ sơ thiết kế</b>			
...	...		...	...	
<b>2</b>	<b>HẠNG MỤC 2: THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN ĐƯỜNG</b>	<b>Chỉ dẫn kỹ thuật; Các yêu cầu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng; và các yêu cầu khác được mô tả trong hồ sơ thiết kế</b>			
<b>2.1</b>	<b>Thi công nền đường</b>				
...	...		...	...	
2.1.4	Đắp đất K95		51.994,70	m3	Sửa khối lượng
...	...		...	...	
<b>2.2</b>	<b>Xử lý nền đất yếu</b>				
...	...		...	...	
2.2.9	Đắp đất K95 (tận dụng)		50.751,04	m3	Bổ sung hạng mục
<b>2.3</b>	<b>Thi công mặt đường</b>				
...	...		...	...	
2.3.11	Bù vênh BTN C19		6.827,53	m3	Sửa khối lượng
...	...		...	...	
<b>2.4</b>	<b>Thi công bó vỉa, dải phân cách</b>				

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
...	...		...	...	
2.5	Thi công vỉa hè				
...	...		...	...	
2.6	Tường chắn				
...	...		...	...	
2.7	Cảnh quan				
...	...		...	...	
2.8	An toàn giao thông				
...	...		...	...	
2.8.19	Lưới chống chói loại 1 (2m)		616,00	m	Sửa đơn vị
...	...		...	...	
2.9	Tuy nèn, bố ống kỹ thuật				
...	...		...	...	
2.10	Thi công hệ thống thoát nước				
...	...		...	...	
3	<b>HẠNG MỤC 3: THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN CẦU</b>	<b>Chỉ dẫn kỹ thuật; Các yêu cầu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng; và các yêu cầu khác được mô tả trong hồ sơ thiết kế</b>			
3.1	Thi công cọc khoan nhồi				
...	...		...	...	
3.2	Thi công bản quá độ, gờ chắn bảo vệ trụ				
3.2.1	Cốt thép		19,72	tấn	Sửa đơn vị
...	...		...	...	
3.3	Thi công móng trụ cầu				
...	...		...	...	
3.4	Thi công kết cấu phần trên				
...	...		...	...	
3.5	Thi công bản mặt cầu, gờ lan can				
...	...		...	...	
3.6	Thi công các hạng mục khác				
...	...		...	...	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
3.7	<b>Thi công tường chắn đầu cầu</b>				
3.7.1	Đào đất		6.604,00	m3	Sửa khối lượng
3.7.2	Thi công tấm tường chắn BT đúc sẵn có cốt		2.325,71	m2	Sửa khối lượng và đơn vị
...	...		...	...	
3.7.10	Đắp đất K95		7.517,35	m3	Sửa khối lượng
3.7.11	Đắp đất K98		274,00	m3	Sửa khối lượng
...	...		...	...	
3.7.17	Vải địa gia cường 400x400kN/m		8.910,00	m2	Bổ sung hạng mục
3.8	<b>Mặt đường trên tường chắn</b>				
...	...		...	...	
4	<b>HẠNG MỤC 4: THI CÔNG XÂY DỰNG HÀM</b>	<b>Chỉ dẫn kỹ thuật; Các yêu cầu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng; và các yêu cầu khác được mô tả trong hồ sơ thiết kế</b>			
4.1	<b>Thi công xây dựng hầm tại Km1+403</b>				<b>Chi tiết hạng mục và khối lượng mời thầu</b>
4.1.1	Đào đất		11.231,64	m3	
4.1.2	Đắp vật liệu chọn lọc K95		5.450,49	m3	
4.1.3	Đắp vật liệu chọn lọc K98		4.216,65	m3	
4.1.4	Đắp đất K95 (tận dụng)		9.339,14	m3	
4.1.5	Đắp đất K95		8.201,91	m3	
4.1.6	Đắp đất K98		580,49	m3	
4.1.7	Đắp đất (tận dụng)		80,56	m3	
4.1.8	Đắp cát thoát nước		20,14	m3	
4.1.9	Đắp đất (ngăn nước)		40,28	m3	
4.1.10	Bê tông đậm 10Mpa		133,66	m3	
4.1.11	Bê tông 20Mpa		69,70	m3	
4.1.12	Bê tông 25Mpa		515,85	m3	
4.1.13	Bê tông 30Mpa		1.075,13	m3	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
4.1.14	Quét nhựa bitum 2 lớp		831,64	m2	
4.1.15	Cốt thép		213,97	tấn	
4.1.16	Tấm cách nước		69,49	m	
4.1.17	Tấm đệm đàn hồi dày 2cm		53,44	m2	
4.1.18	Bê tông nhựa Polime C16, dày 6cm		8.930,94	m2	
4.1.19	Nhũ tương dính bám Polime 0.5kg/m2		8.930,94	m2	
4.1.20	Bê tông nhựa C16, dày 5cm		311,41	m2	
4.1.21	Tưới nhựa dính bám 0,5Kg/m2		9.242,35	m2	
4.1.22	Bê tông nhựa C19 dày 7cm		9.242,35	m2	
4.1.23	Thảm mặt đường BTN rỗng dày 10cm		8.930,94	m2	
4.1.24	Nhựa thấm bám CSS-1 TC 1.0kg/m2		9.242,35	m2	
4.1.25	Thi công lớp cấp phối đá dăm gia cố xi măng 5%		1.455,48	m3	
4.1.26	Cấp phối đá dăm loại I		2.040,51	m3	
4.1.27	Cấp phối đá dăm loại II		2.071,34	m3	
4.1.28	Lan can thép		25,64	tấn	
4.1.29	Thi công tấm tường chắn BT đúc sẵn có cốt		1.798,01	m2	
4.1.30	Tầng lọc đá 1x2		859,46	m3	
4.1.31	Vải địa gia cường 400x400kN/m		12.238,50	m3	
4.1.32	Hệ thống thoát nước hầm		1,00	toàn bộ	
<b>4.2</b>	<b>Thi công xây dựng hầm tại Km2+403</b>				<b>Chi tiết hạng mục và khối lượng mời thầu</b>
4.2.1	Đào đất		10.061,24	m3	
4.2.2	Đắp vật liệu chọn lọc K95		1.647,59	m3	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
4.2.3	Đắp vật liệu chọn lọc K98		3.082,86	m3	
4.2.4	Đắp đất K95 (tận dụng)		5.679,71	m3	
4.2.5	Đắp đất K95		1.840,81	m3	
4.2.6	Đắp đất K98		548,65	m3	
4.2.7	Đắp đất (tận dụng)		120,84	m3	
4.2.8	Đắp cát thoát nước		30,21	m3	
4.2.9	Đắp đất (ngăn nước)		60,42	m3	
4.2.10	Bê tông đệm 10Mpa		108,66	m3	
4.2.11	Bê tông 20Mpa		76,55	m3	
4.2.12	Bê tông 25Mpa		382,53	m3	
4.2.13	Bê tông 30Mpa		574,96	m3	
4.2.14	Quét nhựa bitum 2 lớp		511,51	m2	
4.2.15	Cốt thép		130,00	tấn	
4.2.16	Tấm cách nước		40,10	m	
4.2.17	Tấm đệm đàn hồi dày 2cm		83,90	m2	
4.2.18	Bê tông nhựa Polime C16, dày 6cm		6.698,44	m2	
4.2.19	Nhũ tương dính bám Polime 0.5kg/m2		6.698,44	m2	
4.2.20	Bê tông nhựa C16, dày 5cm		112,66	m2	
4.2.21	Tưới nhựa dính bám 0,5Kg/m2		6.811,10	m2	
4.2.22	Bê tông nhựa C19 dày 7cm		6.811,10	m2	
4.2.23	Thảm mặt đường BTN rỗng dày 10cm		6.698,44	m2	
4.2.24	Nhựa thảm bám CSS-1 TC 1.0kg/m2		6.811,10	m2	
4.2.25	Thi công lớp cấp phối đá dăm gia cố xi măng 5%		984,02	m3	
4.2.26	Cấp phối đá dăm loại I		721,16	m3	
4.2.27	Cấp phối đá dăm loại II		2.075,70	m3	
4.2.28	Lan can thép		19,09	tấn	
4.2.29	Thi công tấm tường chắn BT đúc sẵn có cốt		812,64	m2	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
4.2.30	Tầng lọc đá 1x2		509,38	m3	
4.2.31	Vải địa gia cường 400x400kN/m		8.335,50	m3	
4.2.32	Hệ thống thoát nước hầm		1,00	toàn bộ	
<b>4.3</b>	<b>Thi công xây dựng hầm tại Km3+685</b>				<b>Chi tiết hạng mục và khối lượng mời thầu</b>
4.3.1	Đào đất		14.721,44	m3	
4.3.2	Đắp vật liệu chọn lọc K95		5.606,00	m3	
4.3.3	Đắp vật liệu chọn lọc K98		4.516,74	m3	
4.3.4	Đắp đất K95 (tận dụng)		9.821,10	m3	
4.3.5	Đắp đất K95		6.788,11	m3	
4.3.6	Đắp đất K98		479,01	m3	
4.3.7	Đắp đất (tận dụng)		156,88	m3	
4.3.8	Đắp cát thoát nước		39,22	m3	
4.3.9	Đắp đất (ngăn nước)		78,44	m3	
4.3.10	Bê tông đậm 10Mpa		148,00	m3	
4.3.11	Bê tông 20Mpa		103,90	m3	
4.3.12	Bê tông 25Mpa		531,35	m3	
4.3.13	Bê tông 30Mpa		1.096,36	m3	
4.3.14	Quét nhựa bitum 2 lớp		931,00	m2	
4.3.15	Cốt thép		224,89	tấn	
4.3.16	Tấm cách nước		69,21	m	
4.3.17	Tấm đệm đàn hồi dày 2cm		125,18	m2	
4.3.18	Bê tông nhựa Polime C16, dày 6cm		8.695,94	m2	
4.3.19	Nhũ tương dính bám Polime 0.5kg/m2		8.695,94	m2	
4.3.20	Bê tông nhựa C16, dày 5cm		337,18	m2	
4.3.21	Tưới nhựa dính bám 0,5Kg/m2		9.033,12	m2	
4.3.22	Bê tông nhựa C19 dày 7cm		9.033,12	m2	
4.3.23	Thảm mặt đường BTN rỗng dày 10cm		8.520,07	m2	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
4.3.24	Nhựa thấm bám CSS-1 TC 1.0kg/m <sup>2</sup>		8.857,25	m <sup>2</sup>	
4.3.25	Thi công lớp cấp phôi đá dăm gia cố xi măng 5%		1.321,83	m <sup>3</sup>	
4.3.26	Cấp phôi đá dăm loại I		1.106,75	m <sup>3</sup>	
4.3.27	Cấp phôi đá dăm loại II		2.608,54	m <sup>3</sup>	
4.3.28	Lan can thép		25,20	tấn	
4.3.29	Thi công tấm tường chấn BT đúc sẵn có cốt		1.805,46	m <sup>2</sup>	
4.3.30	Tầng lọc đá 1x2		869,89	m <sup>3</sup>	
4.3.31	Vải địa gia cường 400x400kN/m		12.274,20	m <sup>3</sup>	
4.3.32	Hệ thống thoát nước hầm		1,00	toàn bộ	
<b>4.4</b>	<b>Thi công xây dựng hầm tại Km7+219</b>				<b>Chi tiết hạng mục và khối lượng mời thầu</b>
4.4.1	Đào đất		13.388,42	m <sup>3</sup>	
4.4.2	Đắp vật liệu chọn lọc K95		6.416,57	m <sup>3</sup>	
4.4.3	Đắp vật liệu chọn lọc K98		4.491,57	m <sup>3</sup>	
4.4.4	Đắp đất K95 (tận dụng)		10.533,25	m <sup>3</sup>	
4.4.5	Đắp đất K95		6.357,76	m <sup>3</sup>	
4.4.6	Đắp đất K98		505,93	m <sup>3</sup>	
4.4.7	Đắp đất (tận dụng)		121,48	m <sup>3</sup>	
4.4.8	Đắp cát thoát nước		15,47	m <sup>3</sup>	
4.4.9	Đắp đất (ngăn nước)		60,74	m <sup>3</sup>	
4.4.10	Bê tông đệm 10Mpa		149,72	m <sup>3</sup>	
4.4.11	Bê tông 20Mpa		88,04	m <sup>3</sup>	
4.4.12	Bê tông 25Mpa		529,79	m <sup>3</sup>	
4.4.13	Bê tông 30Mpa		1.162,13	m <sup>3</sup>	
4.4.14	Quét nhựa bitum 2 lớp		934,44	m <sup>2</sup>	
4.4.15	Cốt thép		230,63	tấn	
4.4.16	Tấm cách nước		73,75	m	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
4.4.17	Tấm đệm đàn hồi dày 2cm		125,42	m2	
4.4.18	Bê tông nhựa Polime C16, dày 6cm		8.930,94	m2	
4.4.19	Nhũ tương dính bám Polime 0.5kg/m2		8.930,94	m2	
4.4.20	Bê tông nhựa C16, dày 5cm		338,49	m2	
4.4.21	Tưới nhựa dính bám 0,5Kg/m2		9.269,43	m2	
4.4.22	Bê tông nhựa C19 dày 7cm		9.269,43	m2	
4.4.23	Thảm mặt đường BTN rỗng dày 10cm		8.930,94	m2	
4.4.24	Nhựa thấm bám CSS-1 TC 1.0kg/m2		9.269,43	m2	
4.4.25	Thi công lớp cấp phôi đá dăm gia cố xi măng 5%		1.463,59	m3	
4.4.26	Cấp phôi đá dăm loại I		1.106,95	m3	
4.4.27	Cấp phôi đá dăm loại II		2.942,43	m3	
4.4.28	Đá dăm đệm		0,00	m3	
4.4.29	Lan can thép		25,62	tấn	
4.4.30	Thi công tấm tường chắn BT đúc sẵn có cốt		1.907,02	m2	
4.4.31	Tầng lọc đá 1x2		904,32	m3	
4.4.32	Vải địa gia cường 400x400kN/m		12.287,04	m3	
4.4.33	Hệ thống thoát nước hầm		1,00	toàn bộ	
<b>5</b>	<b>HẠNG MỤC 5: THI CÔNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG DÂY, ĐIỆN CHIẾU SÁNG VÀ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG</b>	<b>Chỉ dẫn kỹ thuật; Các yêu cầu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng; và các yêu cầu khác được mô tả trong hồ sơ thiết kế</b>			
<b>5.1</b>	<b>Điện chiếu sáng</b>				
...	...		...	...	
<b>5.2</b>	<b>Hệ thống đèn tín hiệu giao thông</b>				
...	...		...	...	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ghi chú
5.3	Hệ thống cấp nguồn cho trạm bơm và di dời điện trung, hạ thế				
...	...		...	...	
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>				
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (2%+1,5%=3,5%)		3,5%		